

Số: 07 /NQ- HĐND

Lam Thành, ngày 30 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc ban hành Quy chế làm việc của
Hội đồng nhân dân xã Lam Thành Khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ LAM THÀNH
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Hướng dẫn 1309/HD-UBTVQH15 về một số nội dung về tổ chức và hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Xét Tờ trình số 23 /TTr-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Lam Thành khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã ban hành Quy chế làm việc phù hợp với Quy chế này, các quy định pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa I, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND, UBNDTTQ xã;
- UBND và Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Ban cán sự xóm;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Trường Thi



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Lam Thành, khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định làm việc của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã; mối quan hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã với Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã; mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân xã với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên; những điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc

1. Hội đồng nhân dân xã làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

2. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân gồm: (Chủ tịch, Phó chủ tịch, Trưởng các ban Hội đồng nhân dân xã) chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã; được ban hành các văn bản để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Phó trưởng ban Hội đồng nhân dân xã thực hiện theo sự phân công của Chủ tịch, PCT HĐND, Trưởng ban Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách trước Thường trực HĐND, các Ban HĐND.

5. Các ủy viên là Đại biểu HĐND kiêm nhiệm thực hiện theo sự phân công của Thường trực, Trưởng, Phó ban thuộc lĩnh vực phụ trách, chịu trách nhiệm trước Thường trực HĐND, các Ban HĐND về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 3. Hội đồng nhân dân xã

Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương; chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:
 - a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn;
 - b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế-xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;
 - c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;
 - d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của ủy ban nhân dân, Chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.
2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:
 - a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;
 - b) Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;
 - c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình;
 - d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh;
 - đ) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên ủy ban nhân dân cùng cấp;

g) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của cấp mình, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương cấp tỉnh và quy hoạch chung của cấp mình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách cấp mình trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp mình và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

đ) Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình trước khi trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước,

rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông; biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan khác ở địa phương.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã họp thường lệ ít nhất mỗi năm hai kỳ. Ngoài ra, căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Hội đồng nhân dân xã tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp giải quyết các công việc phát sinh đột xuất để xem xét, quyết định các vấn đề có tính cấp bách, phát sinh giữa hai kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân xã.

2. Hội đồng nhân dân xã họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân xã họp kín theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

3. Chương trình kỳ họp, việc triệu tập và chủ tọa, điều hành các hoạt động tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được quyền tham gia ý kiến thảo luận tại kỳ họp, mỗi lần phát biểu không quá 10 phút. Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân đã đăng ký nhưng chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến mà thời gian phát biểu đã hết thì ghi ý kiến của mình và chuyển về Chủ tọa kỳ họp thông qua Thư ký kỳ họp.

5. Những ý kiến chất vấn, trả lời chất vấn và phát biểu thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã phải được ghi đầy đủ vào biên bản kỳ họp.

Điều 6. Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Công tác thư ký kỳ họp do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện.

2. Công tác thư ký kỳ họp bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

a) Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

b) Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

c) Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân;

d) Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp;

e) Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 7. Thảo luận, chất vấn, giải trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Chủ tọa kỳ họp quyết định các nội dung giải trình, chất vấn, thảo luận về các nội dung trình kỳ họp. Thành phần bao gồm đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các khách mời theo phân công của Chủ tọa kỳ họp.

2. Mỗi đại biểu có thể phát biểu nhiều lần nhưng không quá 10 phút; khách mời tham dự phát biểu ý kiến góp ý về các nội dung trình kỳ họp, đồng thời phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được yêu cầu.

3. Sau phiên thảo luận, giải trình, chất vấn, thư ký tổng hợp và báo cáo với Chủ tọa kỳ họp để ban hành thông báo, kết luận.

Điều 8. Tài liệu phục vụ kỳ họp

1. Tài liệu lưu hành tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã thực hiện theo quy định

2. Tài liệu phục vụ kỳ họp được cung cấp qua mã QR CODE

Điều 9. Chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã thống nhất nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 45 - 50 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo sự phân công, điều hòa của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã đảm bảo công tác tham mưu về nội dung và các điều kiện phục vụ kỳ họp.

4. Chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã họp rà soát công tác chuẩn bị kỳ họp và xem xét, cho ý kiến vào các nội dung trình kỳ họp.

Điều 10. Xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã

1. Việc xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công các Ban Hội đồng nhân dân xã và Văn phòng HĐND & UBND xã; Ủy ban nhân dân xã phân công cơ quan chuyên môn chuẩn bị hồ sơ, dự thảo Nghị quyết theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất 45 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã. Trong trường hợp có yêu cầu phản biện thì phải gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để thực hiện phản biện.

3. Ủy ban nhân dân xã hoàn thành hồ sơ, dự thảo nghị quyết và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã để thẩm tra.

Điều 11. Thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân xã

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Báo cáo, Đề án theo lĩnh vực phụ trách và theo sự phân công, điều hòa của Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Việc thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân xã thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã tổ chức họp thẩm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

3. Hồ sơ, dự thảo nghị quyết phải được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

4. Các Ban Hội đồng nhân dân xã không tiến hành thẩm tra các hồ sơ dự thảo nghị quyết khi chưa đủ các tài liệu trong hồ sơ hoặc gửi không đúng thời hạn theo quy định.

Điều 12. Hoạt động sau kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Hoàn chỉnh, ký chứng thực Nghị quyết

Văn phòng HĐND & UBND xã phối hợp với các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản và các Ban Hội đồng nhân dân xã được phân công thẩm tra hoàn chỉnh các Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân xã thông qua, trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã hoặc Chủ toạ kỳ họp ký chứng thực trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ họp.

2. Văn phòng HĐND & UBND xã hoàn tất biên bản kỳ họp, báo cáo kết quả kỳ họp trình Thường trực Hội đồng nhân dân xã ký, ban hành chậm nhất 05 ngày từ ngày bế mạc kỳ họp.

3. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, các nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã gửi lên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã phối hợp tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri, báo cáo kết quả kỳ họp, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; đồng thời, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, vận động Nhân dân thực hiện các nghị quyết đã ban hành.

5. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã thực hiện quyền giám sát của mình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã và trên cơ sở hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Việc quyết định chương trình giám sát và tổ chức thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân xã được thực hiện như sau:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp thường lệ giữa năm.

b) Hội đồng nhân dân xã giám sát qua hoạt động xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, và các báo cáo khác theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

c). Hội đồng nhân dân xã giám sát qua hoạt động chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

CHƯƠNG III THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của ủy ban nhân dân cùng cấp. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

2. Đôn đốc, giám sát ủy ban nhân dân và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

3. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

4. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

5. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

6. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình trong số đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

7. Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp dưới; trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được Hội đồng nhân dân cấp mình bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không

thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, ủy viên ủy ban nhân dân cùng cấp do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này.

8. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

9. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

10. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân cùng cấp đến Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp trên; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình đến ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chánh phủ.

11. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; mỗi năm 02 lần thông báo đến ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

12. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

13. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân xã, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân xã giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân xã trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân xã về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

4. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã cho đến khi Hội đồng nhân dân xã bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới.

Trường hợp khuyết cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ định người điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã bị xử lý kỷ luật và thuộc trường hợp phải đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cho đến khi bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới; nếu là Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì do ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định. Trường hợp cả Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cũng bị xử lý kỷ luật thì thực hiện chỉ định người điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp đó.

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã được thực hiện

nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã thì Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 4 Điều này ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Điều 17. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã họp thường kỳ mỗi tháng một lần và họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã; khi Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã vắng mặt thì uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

5. Đại diện Ủy ban nhân dân xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

6. Đại diện người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi bàn về những nội dung có liên quan.

7. Ủy ban nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 18. Thường trực Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân; xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương; sắp xếp lịch tiếp

công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân xã; bố trí công chức có đủ trình độ, năng lực và am hiểu về pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân; tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã phải có lịch tiếp công dân. Tùy theo yêu cầu của công việc, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã bố trí số lần tiếp công dân trong tháng. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã phải bố trí thời gian để trực tiếp tiếp công dân 01 lần.

Điều 19. Thường trực Hội đồng nhân dân xã giữ mối liên hệ với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã bố trí để đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri.

2. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt xã theo dõi, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri do đại biểu Hội đồng nhân dân xã chuyển đến các cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan nghiên cứu, giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết; báo cáo Hội đồng nhân dân xã những ý kiến, kiến nghị và kết quả giải quyết của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân xã nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã và các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có thể tổ chức hội nghị làm việc với Thường trực Hội đồng nhân dân cụm các xã trong tỉnh.

CHƯƠNG IV

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 20. Cơ cấu, nguyên tắc và chế độ làm việc

1. Hội đồng nhân dân xã Lam Thành thành lập 02 Ban: Ban Kinh tế- Ngân sách và Ban Văn hóa- Xã hội. Ban của Hội đồng nhân dân gồm có Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các ủy viên; Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là người đứng đầu cơ

quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cùng cấp;

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế làm việc.

3. Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

4. Ban của Hội đồng nhân dân làm việc thông qua các hình thức làm việc sau: Phiên họp toàn thể, đột xuất, xin ý kiến bằng văn bản, hội nghị, tổ chức các đoàn công tác và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban kiêm nhiệm, Phó Trưởng ban chuyên trách, Ủy viên kiêm nhiệm của các Ban Hội đồng nhân dân.

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của luật và quy chế hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

b) Phụ trách chung, chỉ đạo, điều hành công việc của Ban và chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã về hoạt động của Ban;

c) Trực tiếp chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, điều hành hoạt động của Ban đảm bảo chất lượng, khoa học, hiệu quả.

d) Trình bày báo cáo trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

đ) Cung cấp thông tin về hoạt động của Ban cho các cơ quan báo chí (nếu có yêu cầu);

g) Xử lý văn bản đi, đến của Ban;

h) Trưởng Ban thay mặt ký văn bản của Ban.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban chuyên trách.

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng ban;

b) Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và Ban của Hội đồng nhân dân xã về những nhiệm vụ được phân công.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ban của Hội đồng nhân dân xã.

a) Ủy viên Ban có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ sự chỉ đạo, điều hòa hoạt động của Trưởng ban và Phó Trưởng ban được Trưởng ban phân công; chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể Ban, Trưởng ban và Phó Trưởng ban được Trưởng ban phân công về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 22. Phiên họp toàn thể các Ban hoặc Hội nghị thẩm tra của Hội đồng nhân dân xã.

1. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã quyết định triệu tập phiên họp toàn thể hoặc hội nghị thẩm tra để xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền hoặc các nội dung theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; phân công Phó Trưởng ban, Ủy viên của Ban dự thảo nội dung trình phiên họp toàn thể hoặc hội nghị thẩm tra của Ban hoặc chuẩn bị ý kiến của Ban trả lời các cơ quan.

2. Trình tự tổ chức phiên họp, hội nghị thẩm tra:

2.1. Chuẩn bị chương trình

Căn cứ vào chương trình công tác của các Ban Hội đồng nhân dân xã và các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng Hội đồng nhân dân- Ủy ban nhân dân xã và các Ban Hội đồng nhân dân xã dự kiến thời gian, chương trình phiên họp các Ban Hội đồng nhân dân xã, trình Trưởng Ban Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

2.2 Tài liệu phục vụ phiên họp, hội nghị thẩm tra:

Cơ quan, tổ chức có liên quan gửi các loại tài liệu phục vụ phiên họp về các Ban Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 03 ngày trước phiên họp

2.3 Chủ trì phiên họp, hội nghị thẩm tra

Trưởng Ban Hội đồng nhân dân xã chủ trì và điều hành phiên họp, hội nghị thẩm tra. Nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được ủy quyền chủ tọa phiên họp.

2.4. Nội dung phiên họp, hội nghị thẩm tra

- Đánh giá thực hiện công tác tháng của các Ban Hội đồng nhân dân xã, triển khai nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo;

- Xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

- Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn, giải trình về nội dung liên quan;

- Xem xét, quyết định các nội dung khác theo thẩm quyền.

2.5. Kết luận phiên họp, hội nghị thẩm tra.

Căn cứ ý kiến thảo luận và kết luận của chủ trì phiên họp, hội nghị thẩm tra, Trưởng Ban Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng Hội đồng nhân dân- Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp với cơ quan tổ chức có liên quan chuẩn bị dự thảo thông báo kết luận phiên họp, hội nghị thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân xã, trình xin ý kiến của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, ban hành và gửi đến các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chậm nhất 05 ngày sau phiên họp, hội nghị thẩm tra.

2.6. Biên bản phiên họp, hội nghị thẩm tra.

Biên bản ghi đầy đủ diễn biến của phiên họp, hội nghị thẩm tra, ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, kết luận của chủ trì phiên họp, hội nghị thẩm tra.

3. Căn cứ kết luận phiên họp toàn thể của Ban, Trưởng ban phân công Phó Trưởng ban hoặc Ủy viên Ban chủ trì phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã hoàn thiện dự thảo các văn bản đã cho ý kiến theo nội dung phiên họp theo thẩm quyền, trình Trưởng ban xem xét, quyết định.

4. Trong trường hợp không tổ chức được phiên họp toàn thể Ban hoặc hội nghị thẩm tra của Hội đồng nhân dân xã (do thiên tai, dịch bệnh) hoặc tùy vào tính chất, nội dung, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định việc xin ý kiến bằng văn bản.

CHƯƠNG V

NHIỆM VỤ CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 23. Nhiệm vụ của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Tổ chức giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã trên địa bàn hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân xã hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công.

2. Phối hợp tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

3. Đôn đốc, theo dõi đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân.

4. Trước 04 ngày kể từ ngày khai mạc kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu sinh hoạt để nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến tại kỳ họp, đồng thời đánh giá tình hình hoạt động của Tổ và bàn kế hoạch công tác của Tổ trong thời gian tới.

Điều 24. Trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên

1. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu, bao gồm:

a) Chủ trì các cuộc họp Tổ, tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu và các thành viên dự họp để phản ánh với Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

b) Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã

2. Tổ phó giúp Tổ trưởng điều hành hoạt động của Tổ đại biểu theo sự phân công của Tổ trưởng.

3. Các đại biểu trong Tổ đại biểu có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp do Tổ trưởng triệu tập, chấp hành sự phân công của Tổ trong việc tiếp xúc cử tri, báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri; tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát, khảo sát của Tổ đại

biểu, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi được phân công hoặc mời tham gia.

Điều 25. Trách nhiệm của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.
2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.
3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.
4. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.
5. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.
6. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.
7. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền chất vấn Chủ tịch ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân xã.
8. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.
9. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có

quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

10. Khi nhận được quyết định triệu tập kỳ họp, dự kiến chương trình và tài liệu kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân xã phải nghiên cứu tài liệu, tiếp xúc cử tri, tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu chuẩn bị cho kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của Hội đồng nhân dân xã.

11. Liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu cử ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri theo quy định.

12. Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến, tuyên truyền và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết Hội đồng nhân dân xã đã ban hành.

13. Thường xuyên sâu sát cơ sở, chủ động gặp gỡ cử tri bằng nhiều hình thức gián tiếp, trực tiếp, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; phát hiện kịp thời những sai phạm đồng thời có kiến nghị biện pháp khắc phục.

14. Cập nhật, nghiên cứu chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và từ thực tiễn cuộc sống, chủ động đề xuất Hội đồng nhân dân xã xây dựng các giải pháp thuộc thẩm quyền để phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã.

15. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 26. Quan hệ công tác với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân xã chịu sự giám sát và hướng dẫn hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo kết quả hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân xã theo quy định.

2. Hội đồng nhân dân xã chuẩn bị các điều kiện để phối hợp các đoàn công tác của Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi về làm việc ở địa phương có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 27. Quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp, dự thảo các nghị quyết, các báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân xã; phối hợp giải quyết yêu cầu, khiếu nại, tố cáo của công dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri; giải quyết các nội dung phát sinh trong quá trình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã; theo dõi việc triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

2. Ủy ban nhân dân xã, trong nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

3. Thực hiện họp định kỳ theo quy chế phối hợp hoạt động giữa Thường trực Hội đồng nhân dân xã với Ủy ban nhân dân xã

Điều 28. Quan hệ công tác với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị xã hội tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân với Hội đồng nhân dân xã.

2. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã tổ chức tiếp xúc cử tri, tổng hợp đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

3. Tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

4. Tổ chức họp định kỳ theo quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã thông báo bằng văn bản đến Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã về tình hình hoạt động của Hội đồng nhân dân theo định kỳ 6 tháng và hàng năm.

5. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã mời đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã tham dự các phiên họp và nội dung liên quan đến các cuộc giám sát.

Điều 29. Quan hệ công tác với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân các xã trên địa bàn toàn tỉnh

Thường trực Hội đồng nhân dân xã có mối quan hệ trao đổi và học tập kinh nghiệm với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng HĐND & UBND xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này
2. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng nhân dân xã xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết./.